

Văn Bàn, Ngày 1 tháng 4 năm 2020

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN: TOÁN 10(HỌC KÌ 2)**  
**Thực hiện từ ngày 1/4/2020 năm học: 2019 – 2020**  
**I. ĐẠI SỐ**

	<b>Bất phương trình bậc nhất hai ẩn</b>			Đọc thêm		
33–36	<b>Chủ đề: Đấu của tam thức bậc hai</b>	<b>Về kiến thức:</b> - Hiểu định lí về dấu của tam thức bậc hai. <b>Về kỹ năng:</b> - Áp dụng được định lí về dấu tam thức bậc hai để giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức.	<b>Về kiến thức:</b> - Hiểu định lí về dấu của tam thức bậc hai. <b>Về kỹ năng:</b> - Áp dụng được định lí về dấu tam thức bậc hai để giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức đơn giản. <b>- Biết áp dụng việc giải bất phương trình bậc hai để giải một số bài toán liên quan đến phương trình bậc hai như: điều kiện để phương trình có nghiệm, có hai nghiệm trái</b>		Không làm bài tập: 4 (SGK trang 105)	<b>Hướng dẫn học sinh khá về nhà tìm hiểu</b>

			<b>dấu.</b>			
<b>TCĐ 12</b>	Dấu của tam thức bậc hai	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu định lí về dấu của tam thức bậc hai.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được định lí về dấu tam thức bậc hai để giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức.</li> </ul> <p>Bài tập cần làm 1,2,3,4,5</p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu định lí về dấu của tam thức bậc hai.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được định lí về dấu tam thức bậc hai để giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức đơn giản.</li> <li>- <b>Biết áp dụng việc giải bất phương trình bậc hai để giải một số bài toán liên quan đến phương trình bậc hai như: điều kiện để phương trình có nghiệm, có hai nghiệm trái dấu.</b></li> </ul> <p>Bài tập cần làm 1,2</p>		Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm	
	Ôn tập chương IV				DH học sinh tự ôn tập.	
<b>37</b>	<b>Kiểm tra 45'</b>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>Kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định lí về dấu của tam thức bậc hai, dấu của nhị thức bậc nhất</li> <li>- Bất pt bậc hai</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được định lí về dấu nhị thức bậc nhất, tam thức bậc hai để</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>Kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định lí về dấu của tam thức bậc hai, dấu của nhị thức bậc nhất</li> <li>- Bất pt bậc hai</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được định lí về dấu nhị thức bậc nhất, tam thức bậc hai để</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm: Nhận biết, thông hiểu 60%; Vận dụng 40%</li> <li>- Xây dựng ma trận chung cho cả khối</li> </ul>	

		xét dấu biểu thức chứa tích, thương các nhị thức và tam thức, - Giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức. <b>- Biết áp dụng việc giải bất phương trình bậc hai để giải một số bài toán liên quan đến phương trình bậc hai như: điều kiện để phương trình có nghiệm, có hai nghiệm trái dấu.</b>	xét dấu biểu thức chứa tích, thương các nhị thức và tam thức, - Giải bất phương trình bậc hai; các bất phương trình quy về bậc hai: bất phương trình tích, bất phương trình chứa ẩn ở mẫu thức. <b>- Biết áp dụng việc giải bất phương trình bậc hai để giải một số bài toán liên quan đến phương trình bậc hai như: điều kiện để phương trình có nghiệm, có hai nghiệm trái dấu.</b>			
<b>Chương V: Thống kê</b>						
	Bảng phân bố tần số, tần suất				Đọc thêm	
	Biểu đồ				Đọc thêm	
	Số trung bình cộng, số trung vị.					
	Phương sai và độ lệch chuẩn. Bài tập				Đọc thêm	
<b>Chương VI: Cung và góc lượng giác. Công thức lượng giác</b>						
38-40	Cung và	Về kiến thức:	Về kiến thức:		- Phần I. Chỉ giới	- Hướng

	góc lượng giác. Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hai đơn vị đo góc và cung tròn là độ và radian.</li> <li>- Hiểu khái niệm đường tròn lượng giác; góc và cung lượng giác; số đo của góc và cung lượng giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại.</li> <li>- Tính được độ dài cung tròn khi biết số đo của cung.</li> <li>- Biết cách xác định điểm cuối của cung lượng giác và tia cuối của một góc lượng giác hay một họ góc lượng giác trên đường tròn lượng giác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hai đơn vị đo góc và cung tròn là độ và radian.</li> <li>- Hiểu khái niệm đường tròn lượng giác; góc và cung lượng giác; số đo của góc và cung lượng giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại.</li> <li>- Tính được độ dài cung tròn khi biết số đo của cung.</li> <li>- Biết cách xác định điểm cuối của cung lượng giác và tia cuối của một góc lượng giác trên đường tròn lượng giác</li> </ul>		thiệu các định nghĩa trong mục khái niệm cung và góc lượng giác - HD học sinh sử dụng MTCT để đổi từ độ sang radian và từ radian sang độ	dẫn HS khá, giỏi tự đọc tìm hiểu thêm vì kiến thức không phù hợp với HS yếu, kém.
40-41	Luyện tập	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hai đơn vị đo góc và cung tròn là độ và radian.</li> <li>- Hiểu khái niệm đường tròn lượng giác; góc và cung lượng giác; số đo của góc và cung lượng giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại.</li> <li>- Tính được độ dài cung tròn khi biết số đo của cung.</li> </ul> Bài tập cần làm : Bài 2,3,4	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết hai đơn vị đo góc và cung tròn là độ và radian.</li> <li>- Hiểu khái niệm đường tròn lượng giác; góc và cung lượng giác; số đo của góc và cung lượng giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại.</li> <li>- Tính được độ dài cung tròn khi biết số đo của cung.</li> </ul> <p><b>- Biết cách xác định điểm cuối của cung lượng giác và tia cuối của một góc lượng giác trên đường tròn lượng giác.</b></p>		Mục II. Giới thiệu ý nghĩa hình học của tan và cot. Bỏ BT 5,6,7 (t140) thay bằng bài tập xác định số đo cung LG dựa trên hình vẽ	- Hướng dẫn HS khá, giỏi tự đọc tìm hiểu thêm vì kiến thức hàn lâm không phù hợp với HS yếu, kém.

			Bài tập cần làm : Bài 2,3,4,5,6			
42-43,44	Giá trị lượng giác của một cung. Bài tập	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái niệm giá trị lượng giác của một góc (cung); bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được giá trị lượng giác của một góc khi biết số đo của góc đó.</li> <li>- Xác định được dấu các giá trị lượng giác của cung AM khi điểm cuối M nằm ở các góc phần tư khác nhau.</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản.</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái niệm giá trị lượng giác của một góc (cung); bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được giá trị lượng giác của một góc khi biết số đo của góc đó.</li> <li>- Xác định được dấu các giá trị lượng giác của cung AM khi điểm cuối M nằm ở các góc phần tư khác nhau.</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản.</li> <li>- <b>Vận dụng được công thức giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math> vào việc tính giá trị lượng giác của góc bất kì hoặc chứng minh</b></li> </ul>		HD 5,6 , ý nghĩa hình học tan và cotang Khuyến khích tự học Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm ( <b>Hoạt động tự học</b> )	

			<b>các đẳng thức.</b>			
<b>TCĐ</b> <b>13</b>	Giá trị lượng giác của 1 cung	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được giá trị lượng giác của một góc khi biết số đo của góc đó.</li> <li>- Xác định được dấu các giá trị lượng giác của cung AM khi điểm cuối M nằm ở các góc phần tư khác nhau.</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản. Bài tập cần làm 1,2,3</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái niệm giá trị lượng giác của một góc (cung); bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được giá trị lượng giác của một góc khi biết số đo của góc đó.</li> <li>- Xác định được dấu các giá trị lượng giác của cung AM khi điểm cuối M nằm ở các góc phần tư khác nhau.</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản. Bài tập cần làm 1,2,3,4,5</li> </ul>			
<b>45</b>	<b>Kiểm tra</b> <b>45'</b>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>Kiểm tra học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chương V</li> <li>- Bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>Kiểm tra học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chương V</li> <li>- Bảng giá trị lượng giác của một số góc thường gặp.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm: Nhận biết, thông hiểu 60%; Vận dụng 40%</li> </ul>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính các giá trị lượng giác khi cho biết một GTLG bất kì</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản.</li> </ul> <p>Bài tập cần làm  Dạng 1: Tính các GT LG của một góc cụ thể  Dạng 2: Tính các GTLG khi cho một GTLG( Sin, cos,...)  Dạng 3: Xác định dấu của GTLG</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc.</li> <li>- Biết quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau góc <math>\pi</math>.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính các giá trị lượng giác khi cho biết một GTLG bất kì</li> <li>- Vận dụng được các hằng đẳng thức lượng giác cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc để tính toán, chứng minh các hệ thức đơn giản.</li> </ul> <p>Bài tập cần làm  Dạng 1: Tính các GT LG của một góc cụ thể  Dạng 2: Tính các GTLG khi cho một GTLG( Sin, cos,...)  Dạng 3: Xác định dấu của GTLG</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng ma trận chung cho cả khối</li> </ul>	
46-49	Công thức lượng giác. Bài tập	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc.</li> <li>- Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc.</li> <li>- Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các</li> </ul>		<p>HĐ 1,2, VD3, Phần III. Khuyến khích học sinh tự học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn HS khá, giỏi tự đọc tìm hiểu thêm vì kiến thức hàn lâm không phù hợp với HS</li> </ul>

		bài toán như tính giá trị lượng giác của một góc Bài tập cần làm: Bài 1, 5 a,b	bài toán như tính giá trị lượng giác của một góc Bài tập cần làm: 1,5,6			yếu, kém.
<b>TCĐ</b> <b>14</b>	Công thức lượng giác	<b>Về kiến thức:</b> - Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc. - Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi. - Hiểu công thức biến đổi tích thành tổng và - Công thức biến đổi tổng thành tích. <b>Về kỹ năng:</b> - Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các bài toán như tính giá trị lượng giác của một góc Bài tập cần làm 1,2,3	<b>Về kiến thức:</b> - Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc. - Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi. - Hiểu công thức biến đổi tích thành tổng và - Công thức biến đổi tổng thành tích. <b>Về kỹ năng:</b> - Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các bài toán như tính giá trị lượng giác của một góc Bài tập cần làm 1,2,3,4			
50-51	Ôn tập chương VI	<b>Về kiến thức:</b> - Các công thức về các góc đặc biệt - Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc. - Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi. <b>Về kỹ năng:</b> - Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các bài toán như tính giá trị lượng giác	<b>Về kiến thức:</b> - Các công thức về các góc đặc biệt - Hiểu công thức tính sin, cos, tan, cot của tổng, hiệu hai góc. - Từ các công thức cộng suy ra công thức góc nhân đôi. <b>Về kỹ năng:</b> - Vận dụng được công thức tính sin, cos, tang, cot của tổng, hiệu hai góc, công thức góc nhân đôi để giải các bài toán như tính giá trị lượng giác			



		<p>của một góc, rút gọn những biểu thức lượng giác đơn giản và chứng minh một số đẳng thức.</p> <p>Bài tập cần làm</p> <p>Dạng 1: Tính các GT LG của một góc cụ thể</p> <p>Dạng 2: Tính các GTLG, BTLG khi cho một GTLG( Sin, cos,...)</p> <p>Dạng 3: Xác định dấu của GTLG</p> <p>Bài tập cần làm 1,2,3.</p> <p>Bài tập cần làm 3,7-a,d, 8-a,c</p>	<p>của một góc, rút gọn những biểu thức lượng giác đơn giản và chứng minh một số đẳng thức.</p> <p>Bài tập cần làm</p> <p>Dạng 1: Tính các GT LG của một góc cụ thể</p> <p>Dạng 2: Tính các GTLG, BTLG khi cho một GTLG( Sin, cos,...)</p> <p>Dạng 3: Xác định dấu của GTLG</p> <p><b>Dạng 4: Chứng minh đẳng thức lượng giác, rút gọn</b></p> <p>Bài tập cần làm 3,7-a,d, 8-a,c</p>			
52-53	<b>Ôn tập cuối năm</b>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> <li>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <p>Làm các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul> <p>Bài tập cần làm 1,2,3,4</p>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> <li>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <p>Làm các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul> <p>Bài tập cần làm 1,2,3,4</p>		Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm	-Mục I Câu hỏi: Khuyến khích học sinh tự làm
<b>TCD 15</b>	<b>Ôn tập cuối năm</b>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> </ul>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> </ul>			

		<p>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</p> <p><b>Kĩ năng</b> Rèn kĩ năng làm bài trắc nghiệm về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul> <p>Bài tập cần làm :20 câu trắc nghiệm</p>	<p>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</p> <p><b>Kĩ năng</b> Rèn kĩ năng làm bài trắc nghiệm về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul> <p>Bài tập cần làm :15 câu trắc nghiệm đầu</p>			
54	<b>Kiểm tra cuối năm</b>	<p><b>Kiến thức</b> Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> <li>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b> Làm các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul>	<p><b>Kiến thức</b> Học sinh phải nắm được các kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đo của cung và góc lượng giác</li> <li>- Dấu của tam thức bậc hai</li> <li>- Phương trình, bất phương trình một ẩn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b> Làm các bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét dấu của biểu thức</li> <li>- Giải bất phương trình</li> <li>- Tính các giá trị lượng giác của cung.</li> <li>- Tính giá trị các biểu thức liên quan đến lượng giác</li> </ul>		Kiểm tra 100% trắc nghiệm	
55	<b>Trả bài kiểm tra</b>	-Nhận xét kết quả bài làm của HS chỉ ra ưu điểm nhược điểm và kĩ năng làm bài của hs	-Nhận xét kết quả bài làm của HS chỉ ra ưu điểm nhược điểm và kĩ năng làm bài của hs			

## II. HÌNH HỌC

Tiết	Mục	Hướng dẫn dạy học theo đối tượng	Điều chỉnh nội dung dạy học
------	-----	----------------------------------	-----------------------------

		<p align="center"><b>Yêu cầu đối với các đối tượng HS TB- YẾU</b></p>	<p align="center"><b>Yêu cầu đối với các đối tượng HS khá, giỏi</b></p>	<p align="center"><b>Thực hiện ND giáo dục địa phương, ND giáo dục tích hợp trong các môn học; DH gắn với mô hình trường học, trải nghiệm.</b></p>	<p align="center"><b>Nội dung điều chỉnh</b></p>	<p align="center"><b>Lý do điều chỉnh</b></p>
<p align="center">23-25</p>	<p><b>Chủ đề:</b> Các hệ thức lượng trong tam giác và giải tam giác</p>	<p><b>Về kiến thức:</b> -Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác. -Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như <math display="block">S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c</math><math display="block">S = \frac{1}{2} absinC, \quad S = \frac{abc}{4R}</math><math display="block">S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}</math>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác) -Biết một số trường hợp giải tam giác. <b>Về kỹ năng:</b> - áp dụng được định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một</p>	<p><b>Về kiến thức:</b> -Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác. -Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như <math display="block">S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c</math><math display="block">S = \frac{1}{2} absinC, \quad S = \frac{abc}{4R}</math><math display="block">S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}</math>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác) -Biết một số trường hợp giải tam giác. <b>Về kỹ năng:</b> - áp dụng được định lý cosin, định lý sin,</p>			

		<p>số bài toán có liên quan đến tam giác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trải nghiệm nêu các bước và các kiến thức để đo cột cờ.</li> <li>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</li> </ul>	<p>công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán có liên quan đến tam giác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trải nghiệm nêu các bước và các kiến thức để đo cột cờ.</li> <li>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</li> <li><b>-Chứng minh định lý cosin, định lý sin và một số công thức tính diện tích của tam giác.</b></li> <li><b>-Bài toán chứng minh đẳng thức liên quan đến tam giác.</b></li> </ul>			
TCH 8-9	Các hệ thức lượng trong tam giác và giải tam giác	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác.</li> <li>-Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như</li> </ul> $S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c$ $S = \frac{1}{2} ab \sin C, \quad S = \frac{abc}{4R}$ $S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}$ <p>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết một số trường hợp giải tam giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- áp dụng được định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán có liên quan đến tam giác.</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác.</li> <li>-Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như</li> </ul> $S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c$ $S = \frac{1}{2} ab \sin C, \quad S = \frac{abc}{4R}$ $S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}$ <p>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết một số trường hợp giải tam giác.</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- áp dụng được định lý cosin, định lý sin,</li> </ul>			

		<p>- Biết giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng kiến thức giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán.</p> <p>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</p>	<p>công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán có liên quan đến tam giác.</p> <p>- Biết giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng kiến thức giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán.</p> <p>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</p> <p><b>-Bài toán chứng minh đẳng thức liên quan đến tam giác.</b></p>			
26-27	Ôn tập chương II	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>-Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác.</p> <p>-Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như</p> $S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c$ $S = \frac{1}{2} ab \sin C, \quad S = \frac{abc}{4R}$ $S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}$ <p>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác)</p> <p>-Biết một số trường hợp giải tam giác.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <p>- áp dụng được định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến, các công thức tính diện tích để giải một số bài toán có liên quan đến tam giác.</p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>-Hiểu định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến trong một tam giác.</p> <p>-Biết được một số công thức tính diện tích tam giác như</p> $S = \frac{1}{2} a.h_a = \frac{1}{2} b.h_b = \frac{1}{2} c.h_c$ $S = \frac{1}{2} ab \sin C, \quad S = \frac{abc}{4R}$ $S = pr; \quad S = \sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}$ <p>(trong đó R, r lần lượt là bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác, p là nửa chu vi tam giác)</p> <p>-Biết một số trường hợp giải tam giác.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <p>- áp dụng được định lý cosin, định lý sin, công thức về độ dài đường trung tuyến,</p>			

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng kiến thức giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán.</li> <li>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>các công thức tính diện tích để giải một số bài toán có liên quan đến tam giác.</li> <li>- Biết giải tam giác trong một số trường hợp đơn giản. Biết vận dụng kiến thức giải tam giác vào các bài toán có nội dung thực tiễn. Kết hợp với việc sử dụng máy tính bỏ túi khi giải toán.</li> <li>-Biết áp dụng các công thức tính diện tích tam giác</li> <li><b>-Chứng minh định lý cosin, đly sin và một số công thức tính diện tích của tam giác.</b></li> <li><b>-Bài toán chứng minh đẳng thức liên quan đến tam giác.</b></li> </ul>			
<b>Chương III: Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng</b>						
<b>28-31</b>	Chủ đề: Phương trình đường thẳng	<b>Về kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu vector chỉ phương của đường thẳng. Hiểu vector pháp tuyến của đường thẳng</li> <li>- Hiểu cách viết phương trình tham số của đường thẳng, phương trình tổng quát của đường thẳng.</li> <li>- Công thức khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng</li> <li>- Công thức tính cosin của góc giữa hai đường thẳng</li> </ul> <b>Về kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Xác định được một véc tơ chỉ phương, véc tơ pháp tuyến và một điểm đi qua của một đường thẳng khi đã cho phương trình.</li> <li>- Biết cách xác định được véc tơ pháp</li> </ul>	<b>Về kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu vector chỉ phương của đường thẳng. Hiểu vector pháp tuyến của đường thẳng</li> <li>- Hiểu cách viết phương trình tham số của đường thẳng, phương trình tổng quát của đường thẳng.</li> <li>- Công thức khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng</li> <li>- Công thức tính cosin của góc giữa hai đường thẳng</li> </ul> <b>Về kỹ năng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Xác định được một véc tơ chỉ phương, véc tơ pháp tuyến và một điểm đi qua của một đường thẳng khi đã cho phương trình.</li> </ul>	<b>Vnen: Hoạt động hình thành kiến thức (Phương trình tham số của đường thẳng)</b>		

		<p>tuyến của đường thẳng khi cho phương trình tổng quát của nó, viết và hiểu được phương trình đường thẳng trong những trường hợp đặc biệt.</p> <p>-Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, biết cách tìm được tọa độ giao điểm của hai đường thẳng ( nếu có)</p> <p>- Biết chuyển đổi giữa phương trình tổng quát, phương trình tham số và phương trình hệ số góc ( nếu có) của đường thẳng.</p> <p>- Sử dụng được công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.</p> <p>- Tính được số đo của góc giữa hai đường thẳng.</p> <p>-Biết viết phương trình đường thẳng ở một số trường hợp đơn giản</p>	<p>- Biết cách xác định được vec tơ pháp tuyến của đường thẳng khi cho phương trình tổng quát của nó, viết và hiểu được phương trình đường thẳng trong những trường hợp đặc biệt.</p> <p>-Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng, biết cách tìm được tọa độ giao điểm của hai đường thẳng ( nếu có)</p> <p>- Biết chuyển đổi giữa phương trình tổng quát, phương trình tham số và phương trình hệ số góc ( nếu có) của đường thẳng.</p> <p>- Sử dụng được công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.</p> <p>- Tính được số đo của góc giữa hai đường thẳng.</p> <p>-Biết viết phương trình đường thẳng ở một số trường hợp đơn giản, <b>phức tạp hơn</b></p>			
32-33	<p>Bài 2: Phương trình đường tròn. Bài tập</p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>- Hiểu cách viết phương trình đường tròn.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <p>- Viết được phương trình đường tròn biết tâm <math>I(a; b)</math> và bán kính <math>R</math>.</p> <p>-Nhận dạng pt bậc hai là pt đường tròn, xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình đường tròn.</p> <p>- Viết được phương trình tiếp tuyến với đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm (tiếp tuyến tại một điểm nằm trên đường tròn).</p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>- Hiểu cách viết phương trình đường tròn.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <p>- Viết được phương trình đường tròn biết tâm <math>I(a; b)</math> và bán kính <math>R</math>.</p> <p>-Nhận dạng pt bậc hai là pt đường tròn, xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình đường tròn.</p> <p>- Viết được phương trình tiếp tuyến với đường tròn khi biết tọa độ của tiếp điểm (tiếp tuyến tại một điểm nằm trên đường tròn).</p> <p>- <b>Biết viết phương trình tiếp tuyến đi</b></p>	<p>Hoạt động tự học Phương trình đường tròn tâm <math>I</math>, bán kính <math>R</math></p>		

			qua điểm M nằm ngoài đường tròn và biết viết tiếp tuyến có phương cho trước			
34	Kiểm tra 45'	<p><b>Về kiến thức:</b> Các hệ thức lượng trong tam giác, phương trình đường thẳng, phương trình đường tròn, mối quan hệ giữa đường thẳng và đường thẳng, đường tròn và đường tròn.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra kỹ năng giải tam giác</li> <li>- Kiểm tra kỹ năng viết phương trình đường thẳng</li> <li>- Kiểm tra kỹ năng viết phương trình đường tròn</li> <li>- Kiểm tra mối quan hệ giữa đường thẳng và đường thẳng, đường tròn và đường tròn.</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b> Các hệ thức lượng trong tam giác, phương trình đường thẳng, phương trình đường tròn, mối quan hệ giữa đường thẳng và đường thẳng, đường tròn và đường tròn.</p> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra kỹ năng giải tam giác</li> <li>- Kiểm tra kỹ năng viết phương trình đường thẳng</li> <li>- Kiểm tra kỹ năng viết phương trình đường tròn</li> <li>- Kiểm tra mối quan hệ giữa đường thẳng và đường thẳng, đường tròn và đường tròn.</li> </ul>			
35	Bài 3: Phương trình đường E líp. Bài tập	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cách viết phương trình đường elip</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được phương trình đường elip</li> <li>- Xác định các yếu tố của đường elip</li> </ul>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cách viết phương trình đường elip</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được phương trình đường elip</li> <li>- Xác định các yếu tố của đường elip</li> </ul>		Mục 4: Liên hệ giữa đường tròn và elip (Đọc thêm) -Không dạy HĐ4	Không phù hợp với học sinh yếu. Hướng dẫn học sinh khá tự nghiên cứu
36-37	Ôn tập chương III	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết định nghĩa đt, đt, phương trình chính tắc</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết định nghĩa đt, đt, phương trình chính tắc</li> </ul> <p><b>Về kỹ năng:</b></p>			



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết pt đt, đt khi biết một số yếu tố</li> <li>-Xác định VTTĐ của các đt, gc giữa hai đường thẳng, khẳng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết pt đt, đt khi biết một số yếu tố</li> <li><b>-Xác định VTTĐ của các đt, gc giữa hai đường thẳng, khẳng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng</b></li> </ul>			
38	Ôn tập cuối năm	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> <li>-Viết phương trình đường tròn</li> </ul>	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> <li>-Viết phương trình đường tròn</li> </ul>			
TCH 10	Ôn tập cuối năm	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> <li>-Viết phương trình đường tròn</li> </ul>	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> <li>-Viết phương trình đường tròn</li> </ul>			
39	Kiểm tra cuối năm	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> </ul>	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm được các công thức về hệ thức lượng trong tam giác</li> <li>- Phương trình đường thẳng</li> <li>-Phương trình đường tròn</li> </ul> <p><b>Kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các bt về các yếu tố trong tam giác</li> <li>-Viết phương trình đường thẳng</li> <li>-Viết phương trình đường tròn</li> </ul>			

		-Viết phương trình đường tròn -Xác định các yếu tố của đường elip	-Xác định các yếu tố của đường elip			
40	Trả bài kiểm tra cuối năm	-Nhận xét kết quả bài làm của HS chi ra ưu điểm nhược điểm và kỹ năng làm bài của hs	-Nhận xét kết quả bài làm của HS chi ra ưu điểm nhược điểm và kỹ năng làm bài của hs			

Văn Bàn, Ngày 1 tháng 04 năm 2020

Duyệt của lãnh đạo nhà trường

**Đào Anh Đức**

**Lý Nam Thái**